TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HN-ST
Ngày: 02/4/2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến.

2. Ông Phan Hồng Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2017/TLST-HN ngày 13/11/2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST - HN ngày 21 tháng 02 năm 2018 (Và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2018) giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Bảo D, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2017 trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị H và anh Trần Bảo D kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C vào ngày 20 tháng 11 năm 2015. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Và vợ chồng đã sống ly thân khoảng một năm nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh D lười biến không chăm lo đến kinh tế gia đình, thiếu quan tâm chăm sóc vợ con. Khi chị H khuyên nhủ thì anh D không chấp nhận nên dẫn đến đôi bên cự cãi và anh D không sống cùng chị H từ giữa năm 2017 đến nay. Thời gian sống ly thân, anh D và chị H không có liên hệ để hàn gắn tình cảm cùng nhau. Nay chị

H cho rằng tình cảm với anh D không còn, cuộc hôn nhân giữa chị và anh D nếu có duy trì cũng không hạnh phúc. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh D;

Về con chung: Từ khi chị H và anh D sống ly thân, con chung là cháu Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/12/2016 do chị H nuôi dưỡng, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: không có nên không tranh chấp;

Về nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D tuy nhiên anh D không làm bản tự khai nộp cho tòa cũng không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa.

Tại biên bản xác minh ngày 12/12/2017 của Tòa án, cha ruột của anh D xác định: Hôn nhân giữa anh D và chị H không được hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2017 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do khi chị H sinh con về cha mẹ ruột sinh sống, anh D đến quê vợ sống cùng để chăm sóc chị H nhưng gia đình vợ quá khó khăn, vợ chồng cũng không hòa thuận nên anh D mới trở về nhà ở xã Phú Lễ sinh sống. Anh D biết việc chị H yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn cùng anh D nhưng vì công việc anh không về tham gia tố tụng tại tòa; Anh D yêu cầu tòa cứ giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị H; Về con thì đồng ý để cháu Minh K cho chị H nuôi dưỡng; Về tài sản chung: không có; Về nợ chung không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa; Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó,vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh D đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của con chung đề nghị Tòa áp dụng các Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tư nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục: Anh Trần Bảo D được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Bảo D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 20 tháng 11 năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, từ giữa năm 2017 chị H và anh D đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh D thiếu sự chu đáo trong vấn đề chăm lo cho kinh tế gia đình và chăm sóc vợ con, quan trọng hơn cả là đôi bên thiếu sự chia sẽ, yêu thương, tôn trọng nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống. Chính vì vậy mà từ giữa năm 2017 đôi bên chính thức sống ly thân cho tới nay. Thời gian sống ly thân hai bên không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm. Khi biết chị H có đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn cùng anh D anh cũng không một lần liên hệ hoặc đến gặp chị H yêu cầu hàn gắn. Mặt khác, anh D còn thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu ly hôn của chị H thông qua gia đình là đồng ý ly hôn cùng chị H, đồng ý để chị H tiếp tục nuôi con, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con (Biên bản xác minh ngày 12/12/2017 của Tòa án). Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng chị H và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh D là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xét ý kiến của chị Hiển yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/12/2016 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của chị H đồng thời cũng đảm bảo được quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Nợ chung: không có nên nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn với anh Trần Bảo D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn Minh K, sinh ngày 27/12/2016 cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012471 ngày 09/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Rẻn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 28/12/2017.

Tại trụ sở TAND huyện Ba Tri

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rẻn

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Huỳnh Thị Sương

2. Bà Trịnh Thị Hồng Thắm

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 445/2017/TLST-HN ngày 09/10/2017 về việc "*Xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2017/QĐST - HN ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Trung, sinh năm 1987; Địa chỉ: ấp Tân Bình, xã An Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Kim Thơ, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp An Thái, xã An Phú Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử có ý kiến thống nhất 03/03 quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận cho anh Phạm Văn Trung ly hôn với Chị Phan Thị Kim Thơ.

2. Về con chung: Chị Phan Thị Kim Thơ tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Phạm Thị Như Ý, sinh ngày 28/3/2012 và cháu Phạm Quốc An, sinh ngày 30/11/2013 cho cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Thơ không yêu cầu anh Trung cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trung có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Phạm Văn Trung phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng anh Trung được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0012272 ngày 22/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Án phí hôn nhân anh Trung đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nghị án kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Trịnh Thị Hồng Thắm	**Huỳnh Thị Sương**	**Nguyễn Thị Rẻn**